KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	5,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.0%	-	-

DT thuần — 2024: **1,410** tỷ VNĐ — YoY ▼ 78.0 ▼ 5.3%

LN gộp — 2024: **20.3** tỷ VNĐ — YoY ▲ 43.5 ▲ 187%

LN thuần — 2024: **-98.8** tỷ VNĐ — YoY ▲ 34.2 ▲ 25.9%

LN sau thuế — 2024: **-96.2** tỷ VNĐ — YoY ▲ 36.8 ▲ 27.6%

ROE — 2024: **-87.1%** — +/- YoY ▼ 28.2%

ROA — 2024: **-9.4%** — +/- YoY ▲ 1.7%

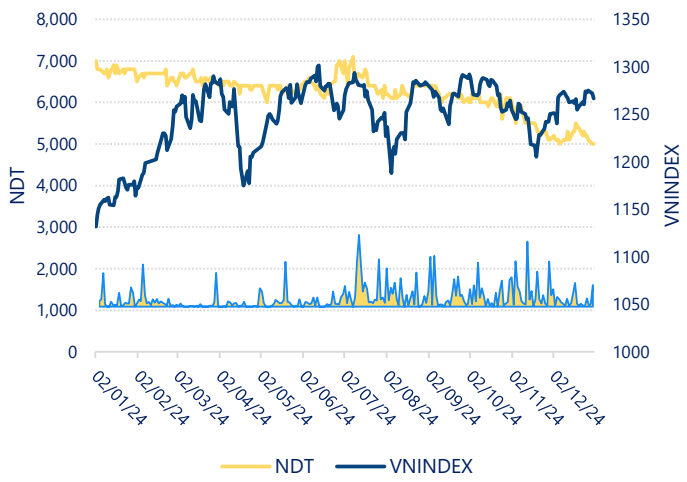

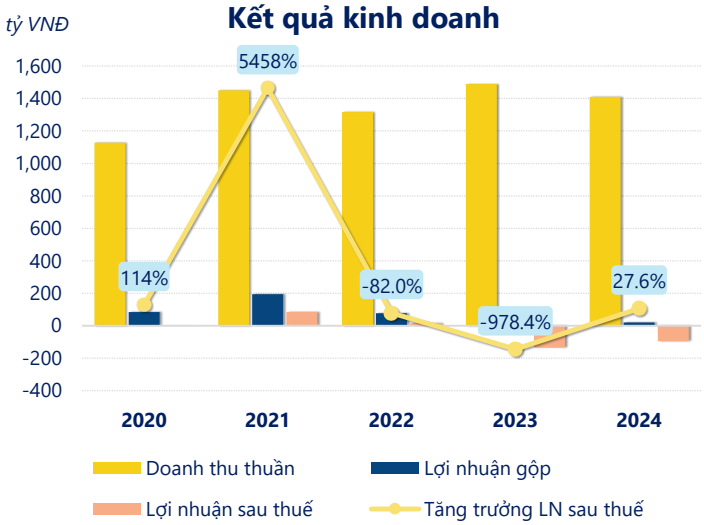

Kết quả kinh doanh **NDT** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,410** tỷ đồng **giảm 5.26%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 27.6%** đạt **-96.22** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -87.1% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

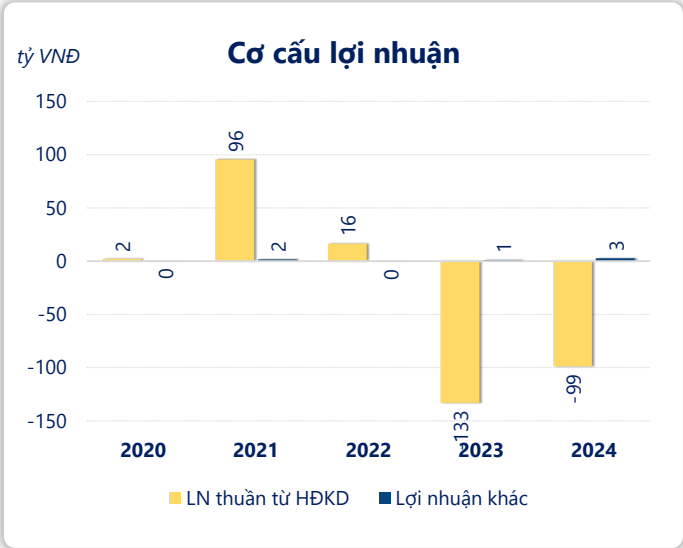

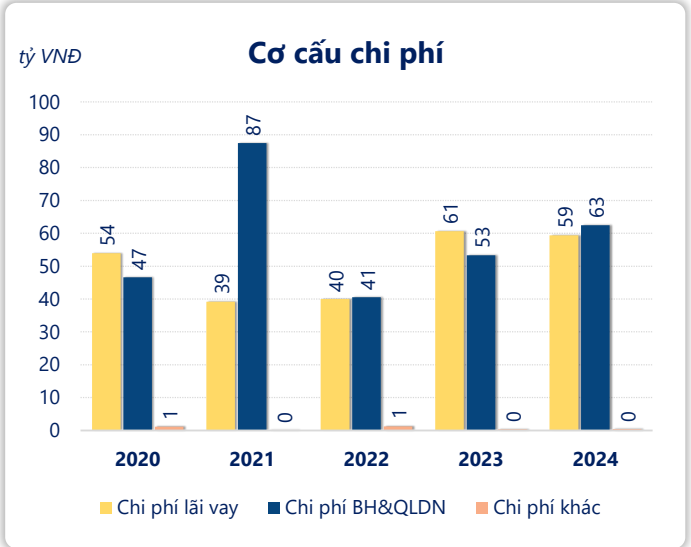

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **NDT** năm **2024 tăng lên 34.47** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 98.82 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 133.3 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **59.41** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **62.50** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.45** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của NDT năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-87.1%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

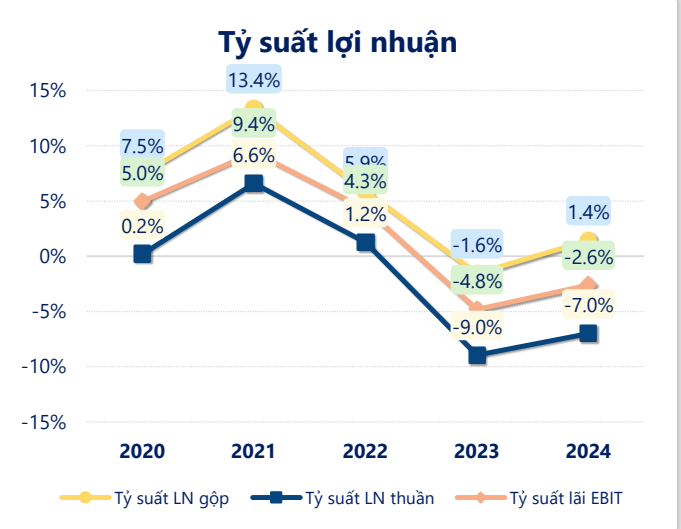

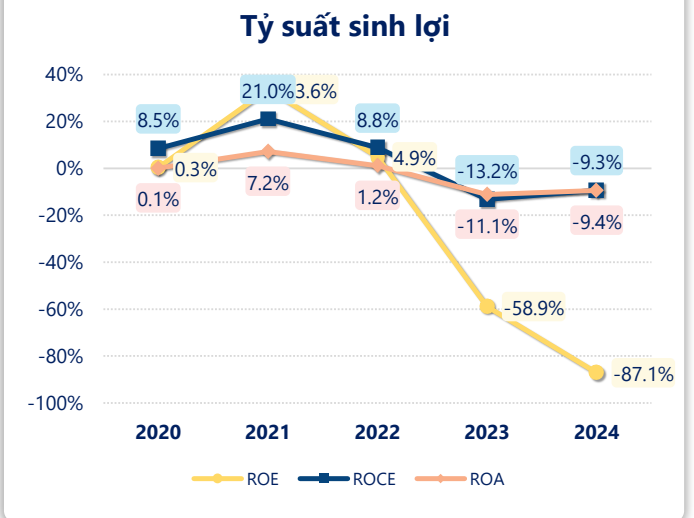

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,128**	**1,451**	**1,317**	**1,488**	**1,410**
Giá vốn hàng bán	1,044	1,257	1,239	1,511	1,390
Lợi nhuận gộp	**84.3**	**194**	**77.3**	**-23.2**	**20.3**
Doanh thu HĐTC	19.7	26.2	49.4	36.5	24.2
Chi phí TC	65.8	48.2	83.8	96.8	83.0
Chi phí lãi vay	**54.0**	**39.2**	**40.0**	**60.7**	**59.4**
LN trong công ty LKLD	10.6	10.8	14.0	3.57	2.28
Chi phí bán hàng	11.8	20.7	21.8	14.6	16.4
Chi phí QLDN	34.9	66.7	18.7	38.7	46.1
LN thuần từ HĐKD	**2.09**	**95.5**	**16.4**	**-133**	**-98.8**
Lợi nhuận khác	-0.01	1.53	-0.34	0.97	2.75
LN trước thuế	**2.08**	**97.1**	**16.1**	**-132**	**-96.1**
Lợi nhuận sau thuế	**1.51**	**83.9**	**15.1**	**-133**	**-96.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.70**	**82.7**	**14.2**	**-133**	**-96.5**

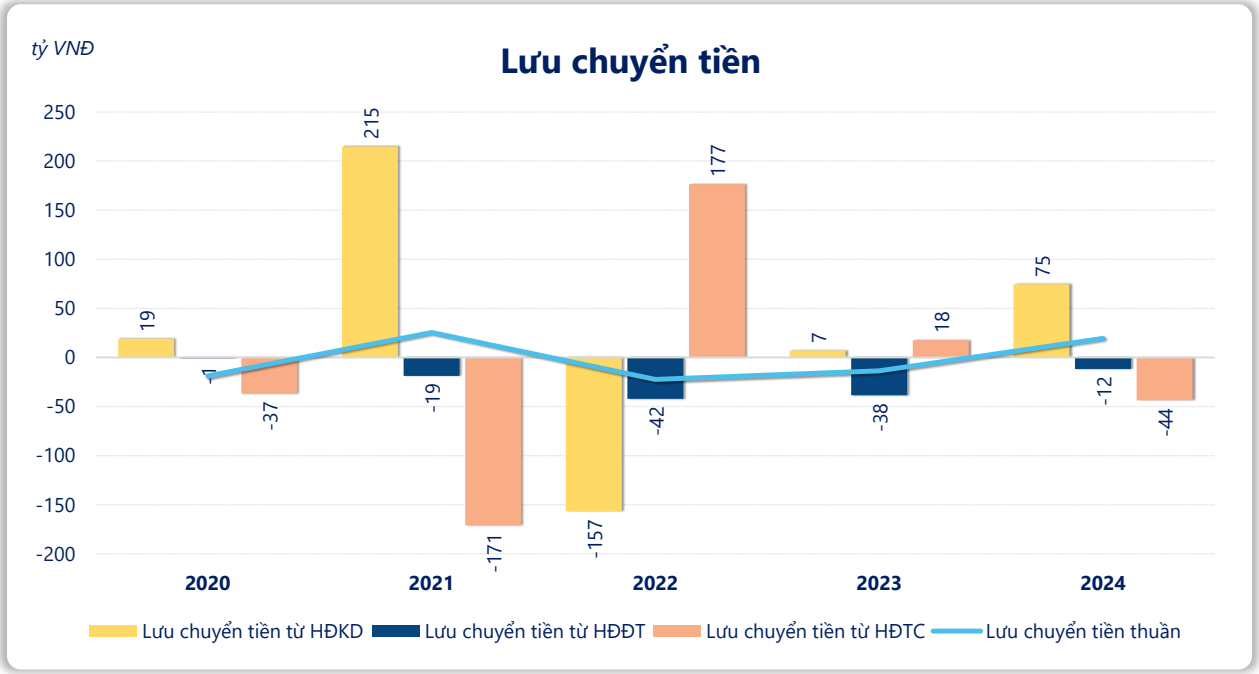

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của NDT bằng **19.34** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-13.68 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **74.59** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-11.72** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-43.54** tỷ đồng.